

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
SÀI GÒN 3 GROUP

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12 - 52
8. Phụ lục	53

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315205307 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 8 năm 2018 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 02 tháng 11 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở hoạt động:

- Địa chỉ : 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : +84 (028) 3727 1140
- Fax : +84 (028) 3727 1143

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật);
- Dịch vụ tư vấn về quản lý kỹ thuật may (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý);
- Sản xuất hàng may mặc;
- Bán buôn hàng may mặc, quần áo thời trang;
- Bán buôn máy móc, thiết bị, công nghệ và phụ tùng phục vụ cho sản xuất các mặt hàng ngành dệt may. Bán buôn thiết bị ngành may;
- Bán buôn nguyên phụ liệu ngành dệt may, các mặt hàng dệt may, nguyên phụ liệu may.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Xuân Hồng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 01 năm 2019
Ông Nguyễn Khánh Linh	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 01 năm 2019
Bà Nguyễn Ngọc Diệp	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 01 năm 2019
Ông Nguyễn Quốc Việt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 01 năm 2019
Ông Võ Trung Cương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2020

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Phạm Việt Lan Anh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 01 năm 2019
Ông Bùi Văn Kiệt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 01 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 01 năm 2019

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty là Ông Nguyễn Quốc Việt (bổ nhiệm ngày 03 tháng 01 năm 2019).

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Xuân Hồng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 01 năm 2019
Ông Nguyễn Quốc Việt	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 01 năm 2019

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai lệch trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

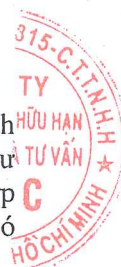
Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Phạm Xuân Hồng
Chủ tịch

Ngày 30 tháng 3 năm 2021



Số: 1.0779/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2021, từ trang 05 đến trang 53, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2018-008-1

**Võ Thành Công - Kiểm toán viên**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1033-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.357.119.350.061	1.682.702.503.264
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	684.570.765.566	196.754.245.508
1. Tiền	111		167.040.199.389	94.528.813.197
2. Các khoản tương đương tiền	112		517.530.566.177	102.225.432.311
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		428.015.023.501	587.160.664.605
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	448.647.902.369	586.822.440.894
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(26.191.665.747)	(64.060.400.733)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	5.558.786.879	64.398.624.444
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		985.423.249.919	653.895.121.669
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	306.803.150.002	235.001.848.836
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3.351.465.878	23.335.756.232
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	656.582.177.032	364.715.054.159
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	37.409.287.031	35.956.184.886
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(18.722.830.024)	(5.813.722.444)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	700.000.000
IV. Hàng tồn kho	140		224.322.572.746	213.350.645.475
1. Hàng tồn kho	141	V.8	224.415.195.431	213.350.645.475
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(92.622.685)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		34.787.738.329	31.541.826.007
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	2.787.940.202	3.356.625.499
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		31.820.656.604	28.172.339.540
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.19	179.141.523	12.860.968
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		991.127.795.986	1.151.323.588.237
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		9.352.922.680	208.511.558.801
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	-	200.000.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	9.352.922.680	8.511.558.801
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		751.881.804.685	708.827.683.617
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	576.536.552.466	534.669.205.343
- Nguyên giá	222		898.199.304.338	759.846.856.527
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(321.662.751.872)	(225.177.651.184)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	151.459.128.174	149.036.936.037
- Nguyên giá	225		179.414.752.625	160.802.260.505
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(27.955.624.451)	(11.765.324.468)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	23.886.124.045	25.121.542.237
- Nguyên giá	228		61.727.589.767	58.101.821.587
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(37.841.465.722)	(32.980.279.350)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.13	30.757.646.038	32.034.253.282
- Nguyên giá	231		34.581.187.216	34.581.187.216
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(3.823.541.178)	(2.546.933.934)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		14.377.157.713	16.160.919.272
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.14	14.377.157.713	16.160.919.272
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		28.600.000.000	55.190.936.675
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	-	26.590.936.675
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2d	23.600.000.000	23.600.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	5.000.000.000	5.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		156.158.264.870	130.598.236.590
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	90.854.010.099	94.772.113.211
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.15	3.258.706.094	3.577.609.771
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.16	62.045.548.677	32.248.513.608
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.348.247.146.047	2.834.026.091.501

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.486.390.948.784	1.050.605.654.986
I. Nợ ngắn hạn	310		1.109.482.175.290	633.756.204.911
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17	135.316.457.299	175.122.534.752
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.18	9.675.401.119	7.380.100.897
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.19	16.296.547.928	47.179.482.440
4. Phải trả người lao động	314	V.20	66.742.881.684	32.936.052.659
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.21	16.379.123.754	4.122.607.104
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		5.454.549	42.891.483
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.22a, c	108.267.064.780	14.486.862.420
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.23a, c	728.152.907.420	323.834.130.122
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.24	28.646.336.757	28.651.543.034
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		376.908.773.494	416.849.450.075
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.22b, c	992.089.403	1.295.366.011
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.23b, c	322.293.083.204	385.883.252.776
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.25	47.636.628.187	23.665.262.579
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.26	5.986.972.700	6.005.568.709
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.861.856.197.263	1.783.420.436.515
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.861.856.197.263	1.783.420.436.515
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.27	698.747.650.000	699.747.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		698.747.650.000	699.747.650.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.27	225.070.638.380	225.070.638.380
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.27	-	(1.000.000.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.27	1.791.748.983	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.27	751.395.432.936	749.377.649.329
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		741.750.818.434	749.377.649.329
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		9.644.614.502	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.27	184.850.726.964	110.224.498.806
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.348.247.146.047	2.834.026.091.501

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2021



Trương Thị Hồng Nhạn
Người lập



Tạ Hoàng Sơn
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Việt
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.520.627.380.143	1.998.844.196.490
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.000.802.093	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.519.626.578.050	1.998.844.196.490
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.353.727.384.349	1.624.729.916.570
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		165.899.193.701	374.114.279.920
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	202.657.797.412	170.894.856.475
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	61.354.969.661	62.160.912.239
Trong đó: chi phí lãi vay	23		41.243.601.871	27.310.301.695
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2c	8.902.462.649	1.645.895.375
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	35.828.434.165	18.182.618.019
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	196.296.143.896	116.377.488.684
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		83.979.906.040	349.934.012.828
12. Thu nhập khác	31	VI.7	7.111.197.754	4.467.229.226
13. Chi phí khác	32	VI.8	2.788.013.637	3.882.237.322
14. Lợi nhuận khác	40		4.323.184.117	584.991.904
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		88.303.090.157	350.519.004.732
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	11.523.032.976	48.412.205.933
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.15, 25	24.290.269.284	24.483.747.164
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>52.489.787.897</u>	<u>277.623.051.635</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		<u>44.581.997.002</u>	<u>271.085.414.248</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>7.907.790.895</u>	<u>6.537.637.387</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a, b	<u>591</u>	<u>3.520</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9a, b	<u>591</u>	<u>3.520</u>



Trương Thị Hồng Nhạn
Người lập



Tạ Hoàng Sơn
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2021

Nguyễn Quốc Việt
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		88.303.090.157	350.519.004.732
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, 11, 12, 13, 16	79.720.071.443	71.320.112.918
- Các khoản dự phòng	03	V.2a, 7, 8, 26	(25.584.179.936)	13.433.313.733
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	1.643.547.486	365.027.358
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.2c; VI.3, 4, 7	(90.489.271.391)	(82.641.991.086)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	41.243.601.871	27.310.301.695
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		94.836.859.630	380.305.769.350
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(33.948.440.080)	46.137.340.203
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		16.169.950.948	(78.354.490.916)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		26.476.473.055	(250.926.504.952)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		11.780.867.681	437.965.838
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		144.222.546.091	50.428.474.532
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.21, VI.4	(38.858.543.572)	(27.246.883.032)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.19	(41.655.895.553)	(47.005.500.570)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	1.946.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.22a, 24, 27a	(2.537.206.277)	(2.887.948.387)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		176.486.611.923	70.890.168.066
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.4, 10, 11, 12, 14, 17a, 23b	(35.823.586.094)	(260.417.701.093)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		453.636.363	254.882.965
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(408.895.322.873)	(851.886.231.105)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		375.868.037.565	544.065.962.522
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	I.5a, V.2c, V.27a	(23.812.949.752)	(32.340.957.879)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	13.790.660.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6a, VI.3	79.055.501.164	80.466.822.464
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(13.154.683.627)	(506.066.562.126)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(1.770.766.160)
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.23a, b	1.877.394.787.650	1.288.271.546.815
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.23a, b	(1.535.989.046.590)	(1.037.828.798.968)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.23a	(16.613.252.141)	(9.598.164.721)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.22a, 27a	(242.397.570)	(83.818.502.251)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>324.550.091.350</u>	<u>155.255.314.715</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		487.882.019.646	(279.921.079.345)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	196.754.245.508	476.712.295.297
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(65.499.588)	(36.970.444)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>684.570.765.566</u>	<u>196.754.245.508</u>



Trương Thị Hồng Nhạn
Người lập



Tạ Hoàng Sơn
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2021

Nguyễn Quốc Việt
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là hỗ trợ dịch vụ tài chính.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Do chịu tác động của dịch bệnh Covid-19 nên doanh thu và lợi nhuận của hoạt động kinh doanh may mặc suy giảm so với năm trước và do đó ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 07 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Mua công ty con

Ngày 16 tháng 11 năm 2020 Tập đoàn mua thêm 16,71% cổ phần của Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết, tăng tỷ lệ kiểm soát tại công ty này lên 50,34%.

Chi tiết về giá trị sổ sách của các tài sản và nợ phải trả của công ty con được mua tại ngày 30 tháng 11 năm 2020 và lợi thế thương mại như sau:

	VND
Tài sản	165.843.539.640
Tiền và các khoản tương đương tiền	43.294.240.067
Chứng khoán kinh doanh	6.048.007.566
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(38.587.074)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	30.053.051.682
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.590.749.096
Phải thu ngắn hạn khác	2.989.030.999
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.457.701.820)
Hàng tồn kho	27.234.500.904
Chi phí trả trước ngắn hạn	819.058.420
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	953.702.069
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	100.938.777
Phải thu dài hạn khác	50.000.000
Tài sản cố định hữu hình	49.714.738.198
Tài sản cố định vô hình	16.789.904
Chi phí trả trước dài hạn	6.475.020.852

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	VND
Nợ phải trả	38.490.300.943
Phải trả người bán ngắn hạn	4.473.340.948
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	9.716.717.235
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.646.685.253
Phải trả người lao động	5.825.874.580
Chi phí phải trả ngắn hạn	7.020.486.727
Phải trả ngắn hạn khác	8.068.954.750
Dự phòng phải trả ngắn hạn	124.365.450
Phải trả dài hạn khác	613.876.000
Giá trị hợp lý của tài sản thuần	127.353.238.697
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(67.096.958.016)
Giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua (a)	60.256.280.681
Giá phí hợp nhất kinh doanh (b)	94.059.018.144
Lợi thế thương mại [(b) – (a)]	33.802.737.463

Giá trị hợp lý của đất, nhà xưởng và máy móc thiết bị của Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết tại ngày mua được ghi nhận theo giá tạm tính do việc định giá chưa hoàn thành vào ngày Báo cáo tài chính hợp nhất được phê duyệt phát hành.

Tiền chi thuần để mua công ty con:

Trả bằng tiền	31.293.657.282
Tiền và các khoản tương đương tiền của công ty con tại ngày mua	(43.294.240.067)
Tiền chi thuần	(12.000.582.785)

Giải thể công ty con

Ngày 30 tháng 6 năm 2020 Tập đoàn đã giải thể Công ty Cổ phần Bất động sản May da Sài Gòn LVS.

Tài sản và nợ phải trả của công ty con này tại ngày giải thể như sau:

Tài sản	
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	62.828.000
Tài sản thuần	62.828.000
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(20.711.996)
Tài sản thuần của Tập đoàn	42.116.004

Lãi liên quan đến giải thể tại các công ty con này như sau:

Giá trị tài sản thuần của công ty con tại ngày giải thể	62.828.000
Giá trị đã thu hồi từ cổ đông không kiểm soát	20.000.000
Giá trị đã đầu tư	(60.668.222)
Lãi	22.159.778

Tiền thu thuần từ việc thoái vốn tại các công ty con:

Thu bằng tiền	-
Tiền và các khoản tương đương tiền tại công ty con tại ngày giải thể	-
Tiền thu thuần	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6b. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital	06 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Hỗ trợ dịch vụ tài chính	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Thương mại Bất động sản Sài Gòn 3	140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	99,98%	99,98%	99,98%	99,98%
Công ty Cổ phần May da Sài Gòn	71/1 Quang Trung, Phường 12, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh hàng may mặc da	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3	47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh hàng may mặc; dịch vụ cho thuê văn phòng và đầu tư	99,92%	99,92%	99,92%	99,92%
Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean	N2-D2 KCN Dệt May Nhơn Trạch, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	Hoàn thiện sản phẩm dệt, sản xuất hàng may sẵn, may trang phục, kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác, sửa chữa máy móc, thiết bị, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, hạt động thiết kế dân dụng, lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	99,92%	99,92%	99,92%	99,92%
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công	06 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán	69,30%	69,13%	69,30%	69,13%
Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết	550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất các loại băng, gạc y tế; sản xuất các loại bông y tế, băng vệ sinh phụ nữ và các sản phẩm khác từ bông băng	47,31%	16,07%	50,24%	20,28%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 3.023 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 3.505 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc Công ty mẹ đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua/bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: được xác định theo chi phí nguyên vật liệu chính (đối với hoạt động sản xuất) và theo chi phí nhân công (đối với hoạt động gia công).
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là: tiền thuê đất trả trước; chi phí cải tạo, sửa chữa văn phòng, nhà xưởng và chi phí công cụ, dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí cải tạo, sửa chữa văn phòng, nhà xưởng

Chi phí cải tạo, sửa chữa văn phòng, nhà xưởng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 10

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của phương tiện vận tải thuê tài chính là 10 năm.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 06 - 50 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 - 20 năm.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác là chứng chỉ Leed và các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới việc nhận chứng chỉ. Nguyên giá của tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

13. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà thuộc sở hữu của của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	28
Nhà	03 - 28

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

15. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

16. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

17. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Tập đoàn từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp khi họ chấm dứt hợp đồng lao động. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính cho 1 năm làm việc.

Tăng, giảm số dư dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông Công ty mẹ.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

19. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

20. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều năm được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

21. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

22. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	489.249.397	166.934.096
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	166.550.949.992	94.361.879.101
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	517.530.566.177	102.225.432.311
Cộng	<u>684.570.765.566</u>	<u>196.754.245.508</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu	445.647.902.369	498.394.288.258 (26.191.665.747)	583.822.440.894	526.869.687.875 (64.060.400.733)
Tổng công ty Cổ phần Dệt may Hà Nội	20.611.342.605	6.974.565.000 (13.636.777.605)	20.611.342.605	11.707.935.000 (8.903.407.605)
Công ty Cổ phần Pymepharco	-	-	100.464.637.991	77.697.381.300 (22.767.256.691)
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	72.646.408.000	94.500.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	94.570.321.686	125.235.638.000	-	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế TP. Hồ Chí Minh	-	-	30.879.304.600	29.959.527.527 (919.777.073)
Công ty Cổ phần Vinhomes	49.858.000.000	58.175.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Điện cơ – EME	54.003.610.089	61.441.390.647	54.003.610.089	60.201.245.000
Công ty Cổ phần Pin ác quy Miền Nam	53.608.853.641	54.015.500.000	-	-
Ngân hàng TMCP Á Châu	-	-	124.769.454.000	122.057.520.000 (2.711.934.000)
Các cổ phiếu khác	100.349.366.348	98.052.194.611 (12.554.888.142)	253.094.091.609	225.246.079.048 (28.758.025.364)
Trái phiếu	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	448.647.902.369	501.394.288.258 (26.191.665.747)	586.822.440.894	529.869.687.875 (64.060.400.733)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	64.060.400.733	51.037.616.837
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng trong năm	(37.907.322.060)	13.022.783.896
Tăng do hợp nhất kinh doanh	38.587.074	-
Số cuối năm	26.191.665.747	64.060.400.733

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	5.558.786.879	5.558.786.879	64.398.624.444	64.398.624.444
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	19.500.000.000	19.500.000.000
Chứng chỉ tiền gửi thời hạn 6 tháng với lãi suất 7,6%/năm của Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-
Trái phiếu của Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	2.558.786.879	2.558.786.879	44.898.624.444	44.898.624.444
Dài hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ⁽ⁱ⁾	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	10.558.786.879	10.558.786.879	69.398.624.444	69.398.624.444

(i) Khoản đầu tư vào 50.000 trái phiếu doanh nghiệp với thời hạn nắm giữ là 6 năm. Ngày đáo hạn của trái phiếu là ngày 26 tháng 12 năm 2024.

2c. Đầu tư vào công ty liên kết

Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết. Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá gốc	-	24.945.041.300
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	-	1.645.895.375
Cộng	-	26.590.936.675

Trong năm, Tập đoàn đã mua thêm 315.860 cổ phiếu với giá mua là 18.904 VND/cổ phiếu từ các cổ đông không kiểm soát. Đồng thời, Tập đoàn đã được quyền mua thêm 1.581.999 cổ phiếu (phân phối theo tỷ lệ 1:1 cho cổ đông hiện hữu) với giá mua là 18.500 VND/cổ phiếu để nâng tỷ lệ kiểm soát từ 20,28% lên 33,51%. Tính đến ngày 16 tháng 11 năm 2020, Tập đoàn nắm giữ 3.284.299 cổ phiếu, tương đương 33,51% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết (số đầu năm là 1.387.300 cổ phiếu, tương đương 20,28%).

Ngày 16 tháng 11 năm 2020, Tập đoàn đã mua thêm 1.637.920 cổ phiếu với giá mua là 19.105,73 VND/cổ phiếu từ các cổ đông không kiểm soát để nâng tỷ lệ kiểm soát từ 33,51% lên 50,24%. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn nắm giữ 4.922.219 cổ phiếu, tương đương 50,24% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	26.590.936.675	-
Góp vốn	29.266.981.500	-
Mua lại vốn góp	5.971.140.715	24.634.687.513
Tăng do đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt tỷ lệ sở hữu	-	310.353.787
Phần lãi hoặc lỗ trong năm	8.902.462.649	1.645.895.375
Chênh lệch do thay đổi tỷ lệ sở hữu	(2.453.225.383)	-
Chuyển sang khoản đầu tư công ty con	68.278.296.156	-
Số cuối năm	-	26.590.936.675

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với công ty liên kết

Các giao dịch phát sinh với Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cho vay	-	24.000.000.000
Lãi cho vay	-	73.013.699
Mua hàng hóa	-	336.305.035

2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tập đoàn nắm giữ 2.300.000 cổ phiếu, tương đương 6,07% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định.

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
3rd TR8 Apparel, Inc.	34.420.154.252	39.788.909.632
Uniqlo Co., Ltd.	43.820.436.223	77.581.642.390
MGF Sourcing Far East., Ltd.	139.681.268.255	67.086.292.961
Các khách hàng khác	88.881.291.272	50.545.003.853
Cộng	<u>306.803.150.002</u>	<u>235.001.848.836</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Vũ Phong	-	17.233.500.900
Gpro Global Sdn. Bhd.	-	1.090.927.453
Tagtime Asia Ltd.	46.876.072	474.705.268
Công ty TNHH C.S.P	-	519.329.580
Công ty Cổ phần Kết nối Thời trang	-	977.924.500
Công ty TNHH Năng lượng Đinh Việt	996.910.800	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Công nghệ	-	-
Môi trường Bách Khoa	382.800.000	-
Smartex Makina Yedek Parca Teknoloji A.S.	-	-
Các nhà cung cấp khác	1.924.879.006	3.039.368.531
Cộng	<u>3.351.465.878</u>	<u>23.335.756.232</u>

Trong đó, khoản trả trước người bán về mua sắm tài sản cố định tại ngày kết thúc năm tài chính là 1.978.169.300 VND (số đầu năm là 19.970.440.517 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Phải thu về cho vay****5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Cho bên liên quan vay</i>	-	-	6.000.000.000	-
Cho Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyệt vay với lãi suất 10%/năm	-	-	6.000.000.000	-
<i>Cho các tổ chức và cá nhân khác vay</i>	656.582.177.032 (11.427.270.000)	-	358.715.054.159	-
Bà Tô Mỹ Phân	72.338.000.000	-	7.000.000.000	-
Ông Mạnh Quốc Phong	61.360.000.000	-	30.640.000.000	-
Bà Phạm Thị Hồng	46.400.000.000	-	450.000.000	-
Bà Tôn Nữ An Miên	41.000.000.000	-	50.000.000.000	-
Ông Cao Minh Sơn	38.090.900.000 (11.427.270.000)	-	38.990.900.000	-
Cho các tổ chức và cá nhân khác vay	397.393.277.032	-	231.634.154.159	-
Cộng	656.582.177.032 (11.427.270.000)	-	364.715.054.159	-

Các khoản cho tổ chức và cá nhân vay với thời hạn tối đa là 6 tháng kể từ ngày cho vay, lãi suất từ 5,5%/năm đến 15%/năm. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản của các tổ chức và cá nhân vay.

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

Cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Du lịch Phước Lộc vay với thời hạn 2 năm, lãi suất 14%/năm. Khoản vay được bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển An Gia và được thế chấp bằng giá trị quyền sử dụng đất tại Bà Rịa – Vũng Tàu thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tư vấn Hoàng Ân.

6. Phải thu khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	1.200.000.000	-
Các thành viên Hội đồng quản trị - tạm ứng	-	-	1.200.000.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	37.409.287.031 (4.091.076.876)	-	34.756.184.886	-
Tạm ứng	780.903.686 (233.937.629)	-	726.016.015	-
Lãi cho vay	17.152.201.268 (1.837.858.204)	-	9.667.535.517	-
Lãi dự thu	350.460.934	-	114.889.726	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú - ký quỹ ủy thác đầu tu ⁽ⁱ⁾	11.623.500.000	-	11.623.500.000	-
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tu MB - ký quỹ ủy thác đầu tu ⁽ⁱⁱ⁾	67.130.825	-	7.087.392.875	-
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	152.388.293	-	130.700.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	7.282.702.025 (2.019.281.043)	-	5.406.150.753	-
Cộng	37.409.287.031 (4.091.076.876)	-	35.956.184.886	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Theo Thỏa thuận ủy thác đầu tư số 28TTUTDT/SG3C.2019 ngày 16 tháng 12 năm 2019 giữa Tập đoàn và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú về việc Tập đoàn sẽ ủy thác cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú mua 1.107.000 cổ phần thuộc sở hữu của Tập đoàn Dệt may Việt Nam tại Công ty Cổ phần Len Việt Nam với tổng giao dịch không vượt quá 11.623.500.000 VND.
- (ii) Khoản ký quỹ ủy thác đầu tư theo Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư số 030818/QLĐT/MBCapital-SaleaCo ngày 27 tháng 8 năm 2019.

6b. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh - ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	1.100.667.000	1.100.667.000
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh - ký quỹ thuê tài chính	5.182.174.793	4.824.131.213
Công ty Cổ phần Xuất khẩu Hàng thủ công Mỹ nghệ Sài Gòn (Artexport SaiGon) - đặt cọc thuê nhà	1.080.000.000	1.080.000.000
Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	1.895.102.887	1.379.782.588
Các khoản ký quỹ dài hạn khác	94.978.000	126.978.000
Cộng	<u>9.352.922.680</u>	<u>8.511.558.801</u>

7. Nợ quá hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Ông Cao Minh Sơn – phải thu cho vay	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	38.990.900.000	27.563.630.000		-	-
Ông Cao Minh Sơn – phải thu lãi cho vay	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	6.126.194.014	4.288.335.810		-	-
Ông Đoàn Quang Sang – phải thu khác	Trên 3 năm	2.000.000.000	-	Trên 3 năm	2.000.000.000	-
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	3.457.701.820	-	Trên 3 năm	3.813.722.444	-
Cộng		<u>50.574.795.834</u>	<u>31.851.965.810</u>		<u>5.813.722.444</u>	<u>-</u>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	5.813.722.444	5.813.722.444
Trích lập dự phòng bổ sung	11.191.128.204	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	3.457.701.820	-
Xử lý xóa nợ	(1.739.722.444)	-
Số cuối năm	<u>18.722.830.024</u>	<u>5.813.722.444</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	7.799.691.663	-	9.301.129.286	-
Nguyên liệu, vật liệu	55.551.671.366	-	54.488.261.651	-
Công cụ, dụng cụ	1.117.154.942	-	1.534.775.210	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	149.325.966.777	-	143.403.484.389	-
Thành phẩm	6.457.628.320	(92.622.685)	1.015.109.243	-
Hàng hóa	10.038.000	-	9.794.789	-
Hàng gửi đi bán	4.153.044.363	-	3.598.090.907	-
Cộng	224.415.195.431	(92.622.685)	213.350.645.475	-

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

Số đầu năm	-
Trích lập trong năm	92.622.685
Số cuối năm	92.622.685

9. Chi phí trả trước**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	305.753.173	1.262.764.138
Chi phí bảo hiểm	282.278.720	353.862.764
Chi phí thuê văn phòng	564.300.000	752.400.000
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.635.608.309	987.598.597
Cộng	2.787.940.202	3.356.625.499

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất Khu công nghiệp ⁽ⁱ⁾	62.174.818.549	51.830.110.690
Chi phí cải tạo, sửa chữa văn phòng, nhà xưởng	16.509.743.375	15.862.678.800
Chi phí công cụ, dụng cụ	4.127.381.822	15.083.640.833
Chi phí khác	8.042.066.353	11.995.682.889
Cộng	90.854.010.099	94.772.113.211

⁽ⁱ⁾ Trong đó, toàn bộ quyền sử dụng đất thuê tại Khu công nghiệp Đồng An và Khu công nghiệp Nhơn Trạch đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay dài hạn của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.23b).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	431.959.373.085	294.030.596.313	22.415.444.364	7.146.424.613	4.295.018.152	759.846.856.527
Tăng do hợp nhất kinh doanh	35.100.965.338	57.969.979.092	4.626.828.887	1.071.221.191	402.797.701	99.171.792.209
Mua trong năm	1.225.603.600	30.996.270.729	1.733.769.545	291.598.182	-	34.247.242.056
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.144.732.535	2.940.754.095	4.891.000.000	1.477.765.169	-	11.454.251.799
Thanh lý, nhượng bán	-	(5.764.592.046)	(746.877.273)	-	-	(6.511.469.319)
Giảm khác	-	(9.368.934)	-	-	-	(9.368.934)
Số cuối năm	470.430.674.558	380.163.639.249	32.920.165.523	9.987.009.155	4.697.815.853	898.199.304.338
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	29.476.370.018	155.631.175.323	7.763.970.757	7.193.312.977	1.931.895.752	201.996.724.827
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	58.082.699.286	149.221.282.650	9.793.580.638	6.168.564.306	1.911.524.304	225.177.651.184
Tăng do hợp nhất kinh doanh	11.815.201.911	34.668.205.354	1.998.983.032	767.697.794	206.965.920	49.457.054.011
Khấu hao trong năm	14.225.903.363	33.583.309.052	4.002.635.653	1.096.698.141	501.339.337	53.409.885.546
Thanh lý, nhượng bán	-	(5.764.592.047)	(617.246.822)	-	-	(6.381.838.869)
Số cuối năm	84.123.804.560	211.708.205.009	15.177.952.501	8.032.960.241	2.619.829.561	321.662.751.872
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	373.876.673.799	144.809.313.663	12.621.863.726	977.860.307	2.383.493.848	534.669.205.343
Số cuối năm	386.306.869.998	168.455.434.240	17.742.213.022	1.954.048.914	2.077.986.292	576.536.552.466
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 435.224.428.457 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.23b).

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Phương tiện vận tải
Nguyên giá	
Số đầu năm	160.802.260.505
Thuê tài chính trong năm	18.612.492.120
Số cuối năm	179.414.752.625
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	11.765.324.468
Khấu hao trong năm	16.190.299.983
Số cuối năm	27.955.624.451
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	149.036.936.037
Số cuối năm	151.459.128.174

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	17.346.050.283	38.219.448.957	2.536.322.347	58.101.821.587
Mua trong năm	-	295.000.000	465.300.000	760.300.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	2.825.068.180	-	2.825.068.180
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	40.400.000	-	40.400.000
Số cuối năm	17.346.050.283	41.379.917.137	3.001.622.347	61.727.589.767
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4.457.763.013	21.815.349.766	208.000.000	26.273.112.779
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	9.202.775.327	23.508.751.780	268.752.243	32.980.279.350
Khấu hao trong năm	257.765.748	4.443.643.283	136.167.245	4.837.576.276
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	23.610.096	-	23.610.096
Số cuối năm	9.460.541.075	27.976.005.159	404.919.488	37.841.465.722
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	8.143.274.956	14.710.697.177	2.267.570.104	25.121.542.237
Số cuối năm	7.885.509.208	13.403.911.978	2.596.702.859	23.886.124.045
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

13. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	26.300.000.000	8.281.187.216	34.581.187.216
Số cuối năm	26.300.000.000	8.281.187.216	34.581.187.216
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.878.571.439	668.362.495	2.546.933.934
Khấu hao trong năm	939.285.720	337.321.524	1.276.607.244
Số cuối năm	2.817.857.159	1.005.684.019	3.823.541.178
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	24.421.428.561	7.612.824.721	32.034.253.282
Số cuối năm	23.482.142.841	7.275.503.197	30.757.646.038

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Tập đoàn hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất và công trình gắn liền với đất tọa lạc tại số 140 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển sang chi phí trả trước	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	9.111.329.064	5.113.285.676	(7.081.399.714)	(652.696.214)	6.490.518.812
Xây dựng cơ bản dở dang	7.049.590.208	7.871.818.453	(7.197.920.265)	(2.126.002.179)	5.597.486.217
<i>Hạng mục thiết kế và thi công xây dựng dự án Yu Heng Việt Nam</i>	2.807.490.909	304.054.545	-	-	3.111.545.454
<i>Hạng mục hệ thống theo dõi năng suất ngành may GPRO</i>	2.334.412.202	1.879.971.407	(2.940.307.816)	(1.274.075.793)	-
<i>Hạng mục thi công hệ thống điện & điện nhẹ và hệ thống hơi khí nén</i>	-	2.144.732.535	(2.144.732.535)	-	-
<i>Các hạng mục khác</i>	1.907.687.097	3.543.059.966	(2.112.879.914)	(851.926.386)	2.485.940.763
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	2.707.947.255	-	(418.794.571)	2.289.152.684
Cộng	16.160.919.272	15.693.051.384	(14.279.319.979)	(3.197.492.964)	14.377.157.713

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**15a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ:

	Số đầu năm	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	Số cuối năm
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	1.201.113.742	(28.592.292)	1.172.521.450
Dự phòng chứng khoán kinh doanh Công ty Cổ phần Cơ khí và Đúc kim loại Sài Gòn	909.000.000	-	909.000.000
Chênh lệch tỷ giá của các khoản mục tiền tệ	25.680.264	77.035.963	102.716.227
Chi phí phân bổ quyền sử dụng đất tại số 54B Ngõ Chí Quốc, phường Bình Chiểu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	1.052.980.000	-	1.052.980.000
Trích trước các khoản chi phí hoạt động	26.000.000	-	26.000.000
Thu nhập tính thuế ghi nhận theo ngày thông quan	83.658.752	(83.658.752)	-
Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ khác	279.177.013	(283.688.596)	(4.511.583)
Cộng	3.577.609.771	(318.903.677)	3.258.706.094

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

15b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	95.000.000	95.000.000
Chi phí lãi vay không được trừ ⁽ⁱ⁾	1.442.845.265	-
Lỗ tính thuế ⁽ⁱⁱ⁾	205.752.675.502	97.631.534.108
Cộng	207.290.520.767	97.726.534.108

⁽ⁱ⁾ Theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, từ kỳ tính thuế năm 2019 trở đi, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(ii) Chi tiết lỗ tính thuế chưa ghi nhận như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Năm 2017	7.071.955	7.071.955
Năm 2018	4.874.113.205	4.874.113.205
Năm 2019	99.141.003.265	92.750.348.948
Năm 2020	101.730.487.077	-
Cộng	<u>205.752.675.502</u>	<u>97.631.534.108</u>

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

16. Lợi thế thương mại

	<u>Công ty Cổ phần May da Sài Gòn</u>	<u>Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean</u>	<u>Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công</u>	<u>Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	14.283.282.551	20.007.418.172	35.831.681.784	-	70.122.382.507
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	33.802.737.463	33.802.737.463
Số cuối năm	<u>14.283.282.551</u>	<u>20.007.418.172</u>	<u>35.831.681.784</u>	<u>33.802.737.463</u>	<u>103.925.119.970</u>
Số đã phân bổ					
Số đầu năm	14.283.282.551	20.007.418.172	3.583.168.176	-	37.873.868.899
Phân bổ trong năm	-	-	3.583.168.176	422.534.218	4.005.702.394
Số cuối năm	<u>14.283.282.551</u>	<u>20.007.418.172</u>	<u>7.166.336.352</u>	<u>422.534.218</u>	<u>41.879.571.293</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	-	-	32.248.513.608	-	32.248.513.608
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>28.665.345.432</u>	<u>33.380.203.245</u>	<u>62.045.548.677</u>

17. Phải trả người bán**17a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Mitsubishi Corporation	19.831.768.941	53.543.630.048
Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại T&T	182.057.867	13.727.046.113
Công ty TNHH MTV Pangrim Neotex	15.341.584.775	13.090.760.957
E.8 Denim House, LLC.	13.648.119.626	6.260.035.374
Các nhà cung cấp khác	86.312.926.090	88.501.062.260
Cộng	<u>135.316.457.299</u>	<u>175.122.534.752</u>

Trong đó, khoản phải trả người bán về mua sắm tài sản cố định tại ngày kết thúc năm tài chính là 1.488.360.018 VND (số đầu năm là 3.992.295.849 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**17b. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại T&T E.8 Denim House, Llc.	-	17.471.318
Công ty TNHH YKK Việt Nam	1.223.752.956	3.655.209.737
Các nhà cung cấp khác	-	1.178.177.280
	4.394.009.051	6.938.704.322
Cộng	5.617.762.007	11.789.562.657

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Địa ốc Tân Phú	9.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Yu Heng	-	7.087.728.500
Các khách hàng khác	675.401.119	292.372.397
Cộng	9.675.401.119	7.380.100.897

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Tăng do hợp nhất kinh doanh</u>	<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>		<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	274.877.387	-	1.114.664.087	(1.126.641.334)	-	262.900.140	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	418.410	-	150.999.211	(150.999.211)	-	418.410	
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.958.933	348.928.506	(346.969.573)	-	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	41.552.759.824	10.901.585	11.523.032.976	(41.655.895.553)	2.607.177.444	14.027.074.691	10.901.585
Thuế thu nhập cá nhân	4.444.136.280	450	7.657.487.913	(10.420.935.557)	(100.938.777)	1.747.553.886	167.804.477
Thuế tài nguyên	212.800	-	-	(212.800)	-	-	-
Thuế nhà đất	-	-	92.928.000	(92.928.000)	-	-	-
Tiền thuế đất	-	-	11.961.260.206	(11.961.260.206)	-	-	-
Các loại thuế khác	907.077.739	-	1.127.340.517	(1.815.760.725)	39.507.809	258.600.801	435.461
Cộng	47.179.482.440	12.860.968	33.976.641.416	(67.571.602.959)	2.545.746.476	16.296.547.928	179.141.523

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Xuất khẩu	: 0%
- Tiêu thụ nội địa	: 10%
- Dịch vụ	: 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh của từng công ty trong Tập đoàn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3	-	32.546.609.403
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital	6.152.384.398	9.768.653.183
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công	4.040.983.407	4.310.307.260
Công ty Cổ phần Thương mại Bất động sản Sài Gòn 3	1.329.665.171	1.786.636.087
Cộng	11.523.032.976	48.412.205.933

Thuế tài nguyên

Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng cho mục đích khác với mức thuế suất 8%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Tiền thuê đất**

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

<u>Vị trí đất</u>	<u>Mức tiền thuê (VND/năm)</u>
- Số 54B Ngô Chí Quốc, phường Bình Chiểu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	360.814.791
- Số 47 Đường số 17, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	567.159.370
- Số 19 Dân Chủ, phường Bình Thới, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	387.508.608
- Số 284/1 Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	674.647.680
- Số 66 Trần Bình Trọng, Phường 1, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	61.990.157
- Số 69 Trần Bình Trọng, Phường 1, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	556.671.002
- Số 71/1 Quang Trung, Phường 12, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	556.387.658
- Số 100 Lê Lợi, Phường 4, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	317.322.720

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

20. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả.

21. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	2.733.934.610	348.876.311
Chi phí gia công wash	285.433.370	404.463.494
Chi phí khác	13.359.755.774	3.369.267.299
Cộng	16.379.123.754	4.122.607.104

22. Phải trả khác**22a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	15.433.387.361	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hưng Phúc - cổ tức phải trả	6.455.754.500	-
Thành viên Hội đồng quản trị - cổ tức phải trả	8.910.767.000	-
Thành viên Hội đồng quản trị - thù lao phải trả	66.865.861	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	92.833.677.419	14.486.862.420
Kinh phí công đoàn	2.624.172.296	5.327.199.312
Công ty Cổ phần Đầu tư IFF - nhận ký quỹ mua cổ phần	37.543.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Yu Heng - nhận ký quỹ chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	17.500.000.000	-
Nhận ký quỹ ngắn hạn khác	2.813.639.771	915.800.323
Cổ tức phải trả	21.417.311.249	1.883.946.499
Trợ cấp ốm đau, thai sản phải trả cho nhân viên	128.329.821	131.025.721
Phải trả về nhận chuyển nhượng cổ phần	-	60.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	10.807.224.282	1.168.890.565
Cộng	108.267.064.780	14.486.862.420

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**22b. Phải trả dài hạn khác**

Các khoản nhận ký quỹ thuê mặt bằng dài hạn.

22c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

23. Vay và nợ thuê tài chính**23a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	455.246.225.453	198.509.573.281
Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	88.703.837.578	77.516.304.202
Vay ngắn hạn các cá nhân ⁽ⁱⁱⁱ⁾	119.912.412.320	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.23b)	46.000.000.000	31.195.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.23b)	18.290.432.069	16.613.252.639
Cộng	<u>728.152.907.420</u>	<u>323.834.130.122</u>

(i) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất được xác định theo từng thời kỳ, thời hạn vay 6 tháng.

(ii) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất được xác định theo từng thời kỳ, thời hạn vay 6 tháng.

(iii) Vay không có tài sản đảm bảo của cá nhân để phục vụ hoạt động kinh doanh với lãi suất 8%/năm, thời hạn vay 06 tháng.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u>	<u>Giảm do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	276.025.877.483	1.549.937.435.278	-	1.200.856.807	(1.283.214.106.537)	543.950.063.031
Vay ngắn hạn cá nhân	-	251.757.352.373	-	-	(131.844.940.053)	119.912.412.320
Vay dài hạn đến hạn trả	31.195.000.000	-	40.735.000.000	-	(25.930.000.000)	46.000.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	16.613.252.639	-	18.290.431.571	-	(16.613.252.141)	18.290.432.069
Cộng	<u>323.834.130.122</u>	<u>1.801.694.787.651</u>	<u>59.025.431.571</u>	<u>1.200.856.807</u>	<u>(1.457.602.298.731)</u>	<u>728.152.907.420</u>

23b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	243.000.000.000	260.535.000.000
Nợ thuê tài chính Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	79.293.083.204	82.848.252.776
Vay Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phước Lộc ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	42.500.000.000
Cộng	<u>322.293.083.204</u>	<u>385.883.252.776</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(i) Bao gồm các khoản vay sau:

- Khoản vay để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án đầu tư Nhà máy Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3 - Xí nghiệp Minako Đồng An với lãi suất 7,7%, thời hạn vay 5 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 12 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 7 năm 2019. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và máy móc thiết bị hình thành từ dự án đầu tư Nhà máy Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3 - Xí nghiệp Minako Đồng An (xem thuyết minh số V.9b và V.10).
- Khoản vay để thanh toán các chi phí đầu tư của dự án Nhà máy May và hoàn thiện các sản phẩm may mặc Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean với lãi suất 8,1%, thời hạn vay 8 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 12 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 9 năm 2020. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và máy móc thiết bị của Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean (xem thuyết minh số V.9b và V.10).

(ii) Khoản nợ phải trả về thuê tài chính Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo các hợp đồng thuê sau:

- Hợp đồng thuê số 83.18.11/CTTC ngày 18 tháng 11 năm 2018 để thuê xe ô tô Toyota Hiace biển số 51B-275.54. Tổng giá trị tài sản là 970.700.000 VND, số tiền trả trước 213.100.000 VND, trị giá cho thuê theo hợp đồng là 757.600.000 (trong đó thuế giá trị gia tăng là 67.211.041 VND). Thời gian cho thuê là 60 tháng, chu kỳ thanh toán 1 tháng/kỳ, ngày thanh toán định kỳ là ngày 15, thời gian ân hạn gốc là 6 tháng, ngày bắt đầu tính lãi là ngày 03 tháng 12 năm 2018.
- Hợp đồng thuê số 74.18.02/CTTC ngày 17 tháng 7 năm 2018 để Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3 cho Công ty Cổ phần May Việt Tiến Đông Á (nay là Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean) thuê hoạt động theo dự án đầu tư: Nhà máy may và hoàn thiện các sản phẩm may mặc (nhà máy Wash Sài Gòn 3) với tổng giá trị tài sản là 788.000,00 EUR, tỷ lệ cho thuê tài chính là 85% tổng giá trị tài sản thuê tài chính theo giá CIF-Ho Chi Minh. Trị giá cho thuê theo hợp đồng là 669.800,00 EUR, số tiền trả trước 118.200,00 EUR. Thời gian cho thuê là 84 tháng, chu kỳ thanh toán 1 tháng/kỳ, ngày thanh toán định kỳ là ngày 20, thời gian ân hạn gốc là 6 tháng, ngày bắt đầu tính lãi là ngày 12 tháng 11 năm 2018. Khoản nợ phải trả về thuê tài chính này được đảm bảo bằng khoản ký quỹ thuê tài chính thông thường 27.877,94 USD (xem thuyết minh số V.6b).
- Hợp đồng thuê số 74.18.03/CTTC ngày 17 tháng 7 năm 2018 để Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3 cho Công ty Cổ phần May Việt Tiến Đông Á (nay là Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean) thuê hoạt động theo dự án đầu tư: Nhà máy may và hoàn thiện các sản phẩm may mặc (nhà máy Wash Sài Gòn 3) với tổng giá trị tài sản là 2.613.560,00 EUR, tỷ lệ cho thuê tài chính là 85% tổng giá trị tài sản thuê tài chính theo giá CIF-Ho Chi Minh. Trị giá cho thuê theo hợp đồng là 2.221.526,00 EUR, số tiền trả trước 392.034,00 EUR. Thời gian cho thuê là 84 tháng, chu kỳ thanh toán 1 tháng/kỳ, ngày thanh toán định kỳ là ngày 20, thời gian ân hạn gốc là 6 tháng, ngày bắt đầu tính lãi là ngày 7 tháng 12 năm 2018. Khoản nợ phải trả về thuê tài chính này được đảm bảo bằng khoản ký quỹ thuê tài chính thông thường 92.462,78 USD. Theo hợp đồng ủy thác nhập khẩu số 74.18.03-1/UTNK ngày 17 tháng 7 năm 2018, tổng giá trị tài sản là 1.938.150,00 EUR, khoản ký quỹ thuê tài chính thông thường tương đương 3% tổng giá trị tài sản là 58.144,50 EUR (xem thuyết minh số V.6b).
- Hợp đồng thuê số 83.18.07/CTTC ngày 17 tháng 7 năm 2018 để Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3 cho Công ty Cổ phần May Việt Tiến Đông Á (nay là Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean) thuê hoạt động theo dự án đầu tư: Nhà máy may và hoàn thiện các sản phẩm may mặc (nhà máy Wash Sài Gòn 3) với tổng giá trị tài sản là 2.080.700,00 EUR, tỷ lệ cho thuê tài chính là 85% tổng giá trị tài sản thuê tài chính theo giá CIF-Ho Chi Minh. Trị giá cho thuê theo hợp đồng là 1.768.595,00 EUR, số tiền trả trước 312.105,00 EUR. Thời gian cho thuê là 84 tháng, chu kỳ thanh toán 1 tháng/kỳ, ngày thanh toán định kỳ là ngày 20, thời gian ân hạn gốc là 6

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tháng, ngày bắt đầu tính lãi là ngày 30 tháng 01 năm 2019. Khoản nợ phải trả về thuê tài chính này được đảm bảo bằng khoản ký quỹ thuê tài chính thông thường 62.421,00 EUR (xem thuyết minh số V.6b).

- Hợp đồng thuê số 83.18.08/CTTC ngày 17 tháng 7 năm 2018 để Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3 cho Công ty Cổ phần May Việt Tiến Đông Á (nay là Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean) thuê hoạt động theo dự án đầu tư: Nhà máy may và hoàn thiện các sản phẩm may mặc (nhà máy Wash Sài Gòn 3) với tổng giá trị tài sản là 434.000,00 EUR, tỷ lệ cho thuê tài chính là 85% tổng giá trị tài sản thuê tài chính theo giá CIF-Ho Chi Minh. Trị giá cho thuê theo hợp đồng là 368.900,00 EUR, số tiền trả trước 65.100,00 EUR. Thời gian cho thuê là 84 tháng, chu kỳ thanh toán 1 tháng/kỳ, ngày thanh toán định kỳ là ngày 20, thời gian ân hạn gốc là 6 tháng, ngày bắt đầu tính lãi là ngày 10 tháng 12 năm 2018. Khoản nợ phải trả về thuê tài chính này được đảm bảo bằng khoản ký quỹ thuê tài chính thông thường 13.020,00 EUR (xem thuyết minh số V.6b).
- Hợp đồng thuê số 74.20.02/CTTC ngày 24 tháng 7 năm 2020 để Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3 cho Công ty Cổ phần May Việt Tiến Đông Á (nay là Công ty TNHH Sài Gòn 3 Jean) thuê hoạt động theo dự án đầu tư: Nhà máy may và hoàn thiện các sản phẩm may mặc (nhà máy Wash Sài Gòn 3) với tổng giá trị tài sản là 676.000,00 EUR, tỷ lệ cho thuê tài chính là 85% tổng giá trị tài sản thuê tài chính theo giá CIF-Ho Chi Minh. Trị giá cho thuê theo hợp đồng là 574.600,00 EUR, số tiền trả trước 101.400,00 EUR. Thời gian cho thuê là 84 tháng, chu kỳ thanh toán 1 tháng/kỳ, ngày thanh toán định kỳ là ngày 20, thời gian ân hạn gốc là 6 tháng, ngày bắt đầu tính lãi là ngày 08 tháng 10 năm 2020. Khoản nợ phải trả về thuê tài chính này được đảm bảo bằng khoản ký quỹ thuê tài chính thông thường 13.520,00 EUR (xem thuyết minh số V.6b).

Tập đoàn có khả năng trả được khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	64.290.432.069	47.808.252.639
Trên 1 năm đến 5 năm	249.184.655.705	288.347.713.482
Trên 5 năm	73.108.427.499	97.535.539.294
Cộng	386.583.515.273	433.691.505.415

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Giảm do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	260.535.000.000	23.200.000.000	(40.735.000.000)	-	-	243.000.000.000
Vay dài hạn các tổ chức khác	42.500.000.000	52.500.000.000	-	-	(95.000.000.000)	-
Nợ thuê tài chính ⁽ⁱ⁾	82.848.252.776	14.794.302.182	(18.290.431.571)	(59.040.183)	-	79.293.083.204
Cộng	385.883.252.776	90.494.302.182	(59.025.431.571)	(59.040.183)	(95.000.000.000)	322.293.083.204

(i) Trong đó, số tiền nợ thuê tài chính không bằng tiền phát sinh trong năm là 14.794.302.182 VND (năm trước là 74.980.897.775 VND).

23c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	28.651.543.034	28.650.997.034
Tăng khác	-	1.946.000
Chi quỹ	(5.206.277)	(1.400.000)
Số cuối năm	28.646.336.757	28.651.543.034

25. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Số đầu năm	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	Số cuối năm
Khoản lãi chưa thực hiện liên quan đến giao dịch bán tài sản trong Tập đoàn	1.634.381.270	(1.634.381.270)	-
Khoản dự phòng đầu tư tài chính đã trích lập cho các công ty trong Tập đoàn	22.030.881.309	25.605.746.878	47.636.628.187
Cộng	23.665.262.579	23.971.365.608	47.636.628.187

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20%.

26. Dự phòng phải trả

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến trợ cấp thôi việc. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	6.005.568.709	6.421.367.750
Tăng do hợp nhất kinh doanh	124.365.450	-
Tăng do trích lập trong năm	1.039.391.235	410.529.837
Số sử dụng trong năm	(1.182.352.694)	(826.328.878)
Số cuối năm	5.986.972.700	6.005.568.709

27. Vốn chủ sở hữu**27a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

27b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Dương Văn Hồng	50.905.070.000	50.905.070.000
Ông Nguyễn Quốc Việt	141.384.530.000	141.384.530.000
Ông Phạm Xuân Hồng	36.830.810.000	36.830.810.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hưng Phúc	129.115.090.000	129.115.090.000
Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân Đội	38.000.000.000	38.000.000.000
Các cổ đông khác	302.512.150.000	302.512.150.000
Cổ phiếu quỹ	-	1.000.000.000
Cộng	698.747.650.000	699.747.650.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

27c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	69.874.765	69.974.765
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	69.874.765	69.974.765
- Cổ phiếu phổ thông	69.874.765	69.974.765
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	100.000
- Cổ phiếu phổ thông	-	100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.874.765	69.874.765
- Cổ phiếu phổ thông	69.874.765	69.874.765
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

27d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-DHDCD ngày 20 tháng 5 năm 2020 như sau:

VND

- Chia cổ tức cho các cổ đông bằng tiền mặt (12% mệnh giá - đã thực hiện tạm chia trong năm 2019 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 06/2019/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 11 năm 2019) : 83.849.718.000
- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (đã tạm ứng trong năm 2019 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/2019/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 01 năm 2019 với số tiền là 1.186.548.387 VND) : 3.785.414.248

Ngoài ra, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 12/2020/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 12 năm 2020 cũng đã thông qua tỷ lệ tạm chia cổ tức đợt 1 năm 2020 là 5% mệnh giá cổ phần.

28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

28a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	3.765.320.902	5.712.175.196
Trên 01 năm đến 05 năm	9.170.374.518	12.464.640.272
Trên 5 năm	39.157.959.108	40.974.205.487
Cộng	<u>52.093.654.528</u>	<u>59.151.020.956</u>

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Tiền thuê 11.906,9 m² đất tại số 54B Ngô Chí Quốc, phường Bình Chiểu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê là 30.303 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 50 năm tính từ ngày 22 tháng 9 năm 2003.
- Tiền thuê 21.139 m² đất tại số 47 Đường số 17, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê là 26.830 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 46 năm tính từ ngày 09 tháng 01 năm 2001.
- Tiền thuê 673 m² đất tại số 284/1 Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê là 1.002.448 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 15 năm tính từ ngày 04 tháng 4 năm 2006.
- Tiền thuê 710,7 m² đất tại số 66 Trần Bình Trọng, Phường 1, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê là 87.224 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 15 năm tính từ ngày 22 tháng 02 năm 2006.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Tiền thuê 6.674,6 m² đất tại số 69 Trần Bình Trọng, Phường 1, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê là 83.401 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 15 năm tính từ ngày 22 tháng 02 năm 2006.
- Tiền thuê 6.498 m² đất tại số 71/1 Quang Trung, Phường 12, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê là 85.624 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 41 năm tính từ ngày 27 tháng 01 năm 2005.
- Tiền thuê 3.006 m² kho tại số 100 Lê Lợi, Phường 4, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê là 105.563 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 41 năm tính từ ngày 27 tháng 01 năm 2005.

28b. Tài sản nhận giữ hộ

Tài sản nhận giữ hộ là áo khoác jean và quần các loại dùng làm hàng mẫu.

28c. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	1.567.151,74	3.280.178,72
Euro (EUR)	543,09	243,63

28d. Nợ khó đòi đã xử lý

Khoản nợ phải thu tiền gia công Blue Ambrosia Inc với số tiền 1.739.722.444 VND đã được xóa sổ do không có khả năng thu hồi.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	271.557.485	2.950.975.106
Doanh thu bán thành phẩm	1.440.422.915.443	1.918.914.544.783
Doanh thu gia công	42.394.712.666	46.278.739.263
Doanh thu dịch vụ tài chính	18.333.589.174	12.867.681.157
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	11.067.903.294	10.308.813.126
Doanh thu khác	8.136.702.081	7.523.443.055
Cộng	1.520.627.380.143	1.998.844.196.490

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	303.776.297	3.339.240.438
Giá vốn bán thành phẩm	1.163.918.489.359	1.440.918.750.264
Giá vốn gia công	153.179.017.248	153.090.551.347
Giá vốn dịch vụ cho thuê	19.066.774.775	14.775.615.271
Giá vốn dịch vụ tài chính	13.089.604.101	8.229.454.474
Chi phí kinh doanh bất động sản	3.722.320.287	3.468.747.372
Giá vốn khác	354.779.597	907.557.404
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	92.622.685	-
Cộng	1.353.727.384.349	1.624.729.916.570

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	14.851.879.448	9.550.047.962
Lãi tiền cho vay	56.298.814.826	57.559.992.414
Lãi đầu tư trái phiếu	419.656.849	1.116.503.425
Cổ tức, lợi nhuận được chia	15.205.387.000	12.422.153.037
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	15.214.717.896	11.443.400.466
Lãi đầu tư chứng khoán kinh doanh	100.323.542.564	78.081.058.441
Doanh thu tài chính khác	343.798.829	721.700.730
Cộng	<u>202.657.797.412</u>	<u>170.894.856.475</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	41.243.601.871	27.310.301.695
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	9.748.831.555	4.733.820.358
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.643.547.486	365.027.358
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(37.907.322.060)	13.022.783.896
Lỗ hoạt động đầu tư công ty liên kết trở thành công ty con	5.512.935.294	-
Lỗ bán chứng khoán	38.018.377.256	16.106.307.816
Chi phí tài chính khác	3.094.998.259	622.671.116
Cộng	<u>61.354.969.661</u>	<u>62.160.912.239</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	8.034.425.302	6.194.822.551
Chi phí vật liệu, bao bì	2.144.871.968	769.696.021
Chi phí khấu hao tài sản cố định	597.498.979	218.274.343
Chi phí hoa hồng môi giới	190.767.083	-
Chi phí xuất hàng	14.752.160.662	7.563.295.645
Các chi phí khác	10.108.710.171	3.436.529.459
Cộng	<u>35.828.434.165</u>	<u>18.182.618.019</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	126.392.855.676	56.530.590.440
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.366.141.063	6.872.934.510
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.537.797.387	11.783.160.115
Thuế, phí và lệ phí	3.323.109.901	2.299.383.893
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp thôi việc và quỹ tiền lương	1.039.391.235	410.529.837
Dự phòng phải thu khó đòi	11.191.128.204	-
Lợi thế thương mại phân bổ	4.005.702.394	3.583.168.176
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.889.187.819	22.439.973.543
Chi phí bằng tiền khác	11.550.830.217	12.457.748.170
Cộng	<u>196.296.143.896</u>	<u>116.377.488.684</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	324.005.913	37.045.086
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	5.588.268.900	3.364.732.661
Thu hồi tiền lương bỏ việc	140.523.156	368.575.025
Lãi từ giao dịch mua rẻ	-	310.353.787
Thu nhập từ thanh lý công cụ, dụng cụ	38.490.913	92.503.120
Xoá sổ, cản trừ công nợ	9.529.889	5.255.124
Các khoản thu nhập khác	1.010.378.983	288.764.423
Cộng	<u>7.111.197.754</u>	<u>4.467.229.226</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại công cụ thanh lý	48.481.821	133.335.080
Thuế bị phạt, bị truy thu	14.232.117	-
Chi phí khấu hao cho thuê xe	69.374.997	-
Phạt do vi phạm hợp đồng	1.714.362.538	3.689.623.374
Chi phí khác	941.562.164	59.278.868
Cộng	<u>2.788.013.637</u>	<u>3.882.237.322</u>

9. Lãi trên cổ phiếu**9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	44.581.997.002	271.085.414.248
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	(5.421.708.285)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	44.581.997.002	265.663.705.963
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	75.464.700	75.470.453
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>591</u>	<u>3.520</u>

9b. Thông tin khác

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-DHDCD ngày 20 tháng 5 năm 2020 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để chia cổ tức theo tỷ lệ 100:8 từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 05 tháng 3 năm 2021 Công ty đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ lên 754.647.000.000 VND. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này. Điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 3.802 VND xuống còn 3.520 VND.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	829.722.445.634	1.088.035.969.285
Chi phí nhân công	496.751.293.402	408.043.624.178
Chi phí khấu hao tài sản cố định	79.720.071.443	71.320.112.918
Chi phí dịch vụ mua ngoài	120.735.931.296	245.990.860.597
Chi phí khác	59.414.206.937	42.632.519.073
Cộng	<u>1.586.343.948.712</u>	<u>1.856.023.086.051</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty mẹ. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tạm ứng	-	1.323.440.000
Chia cổ tức	8.910.767.000	21.385.840.800

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.6a và V.22a.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u> <u>(trình bày lại)</u>
Hội đồng quản trị	7.015.801.297	7.982.361.934
Ông Phạm Xuân Hồng	729.064.181	794.206.172
Ông Nguyễn Khánh Linh	2.621.754.560	2.867.779.383
Ông Nguyễn Ngọc Điệp	418.333.333	367.580.645
Ông Nguyễn Quốc Việt	2.225.855.725	2.563.607.397
Ông Võ Trung Cương	1.020.793.498	1.389.188.337
Ban Kiểm soát	1.889.679.738	1.675.450.557
Bà Phạm Viết Lan Anh	1.232.867.999	1.096.742.983
Ông Bùi Văn Kiệt	538.811.739	484.255.961
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	118.000.000	94.451.613
Cộng	8.905.481.035	9.657.812.491

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn bao gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế TP. Hồ Chí Minh	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Hưng Phúc	Cổ đông sở hữu 18,48% vốn điều lệ

Giao dịch với bên liên quan khác

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác ngoài Công ty Cổ phần Đầu tư Hưng Phúc. Giao dịch phát sinh trong năm với Công ty Cổ phần Đầu tư Hưng Phúc chỉ có giao dịch về chia cổ tức với số tiền là 6.455.754.500 VND (năm trước là 15.493.810.800 VND).

2. **Thông tin về bộ phận**

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là các đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau.

2a. *Thông tin về lĩnh vực kinh doanh*

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Sản xuất và kinh doanh hàng may mặc;
- Đầu tư tài chính và kinh doanh chứng khoán;
- Các lĩnh vực khác: kinh doanh bất động sản, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm y tế.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Sản xuất và kinh doanh hàng may mặc	Đầu tư tài chính và kinh doanh chứng khoán	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.972.215.227.600	12.867.681.157	13.761.287.733	-	1.998.844.196.490
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	56.016.532.483	838.292.154	3.884.606.371	(60.739.431.008)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.028.231.760.083	13.705.973.311	17.645.894.104	(60.739.431.008)	1.998.844.196.490
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.766.580.003.815	28.824.764.616	15.941.228.082	(52.055.973.240)	1.811.345.996.513
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					239.554.173.217
Doanh thu hoạt động tài chính					170.894.856.475
Chi phí tài chính					(62.160.912.239)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		1.645.895.375	-		1.645.895.375
Thu nhập khác					4.467.229.226
Chi phí khác					(3.882.237.322)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(48.412.205.933)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(24.483.747.164)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					277.623.051.635
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(241.867.861.093)	(18.549.840.000)	(400.000.000)	400.000.000	(260.417.701.093)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	63.017.778.374	6.122.138.667	2.180.195.877		71.320.112.918
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	(2.459.517.168)	12.095.471.700	3.797.359.201		13.433.313.733

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Sản xuất và kinh doanh hàng may mặc	Đầu tư tài chính và kinh doanh chứng khoán	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	2.131.159.035.265	891.911.064.060	317.314.923.848	-	3.340.385.023.173
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					7.862.122.874
Tổng tài sản					3.348.247.146.047
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.182.619.038.383	183.790.416.691	84.823.705.139	-	1.451.233.160.213
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					35.157.788.571
Tổng nợ phải trả					1.486.390.948.784
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.889.615.687.457	639.271.673.273	301.797.264.434	-	2.830.684.625.164
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					3.341.466.337
Tổng tài sản					2.834.026.091.501
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	948.788.567.094	87.720.206.121	10.856.770.161	-	1.047.365.543.376
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					3.240.111.610
Tổng nợ phải trả					1.050.605.654.986

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2021

Trương Thị Hồng Nhạn
Người lập

Tạ Hoàng Sơn
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Việt
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

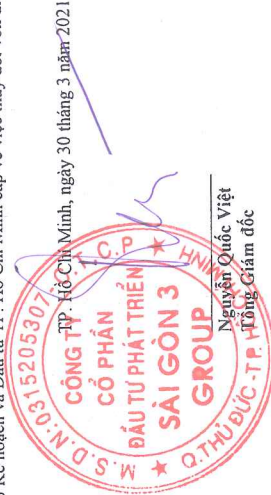
Địa chỉ: 47 Đường số 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
 BAO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm nay	699.747.650.000	224.845.220.342	(1.000.000.000)	-	563.240.504.721	114.359.931.039	1.602.193.306.102 (1.000.000.000)
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	-	-	-	-	(7.706.270.366)
Giảm phần vốn của cổ đông không kiểm soát do Công ty Cổ phần May da Sài Gòn đầu tư thêm vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công	-	225.418.038	-	-	1.119.729.634	(8.826.000.000)	(770.766.160)
Giảm phần vốn của cổ đông không kiểm soát do mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	655.274.345	(1.651.438.543)	(770.766.160)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	271.085.414.248	6.537.637.387	277.623.051.635
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	(83.849.718.000)	(78.000)	(83.849.796.000)
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	(2.885.209.364)	(1.339.023)	(2.886.548.387)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	11.653.745	(194.194.054)	(182.540.309)
Số dư cuối năm trước	699.747.650.000	225.070.638.380	(1.000.000.000)	-	749.377.649.329	110.224.498.806	1.783.420.436.515
Số dư đầu năm nay	699.747.650.000	225.070.638.380	(1.000.000.000)	-	749.377.649.329	110.224.498.806	1.783.420.436.515
Giảm phần vốn của cổ đông không kiểm soát do Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital đầu tư thêm vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công	-	-	-	-	25.589.678	(601.000.000)	(575.410.322)
Giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu trong tài sản thuần của Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết trong giai đoạn liên kết	-	-	-	-	(2.453.225.383)	-	(2.453.225.383)
Ghi nhận lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết tại ngày năm quyền kiểm soát	-	-	-	-	-	67.096.958.016	67.096.958.016
Giảm vốn do hủy cổ phiếu quỹ (i)	(1.000.000.000)	-	1.000.000.000	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	44.581.997.002	7.907.790.895	52.489.787.897
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	1.791.748.983	(2.585.672.560)	793.923.577	-
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	(34.937.382.500)	(204.901.320)	(35.142.283.820)
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	(2.598.865.861)	-	(2.598.865.861)
Giảm do thoái vốn và điều chỉnh giảm vốn điều lệ các công ty con	-	-	-	-	(2.159.779)	(379.040.000)	(381.199.779)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	(12.496.990)	12.496.990	-
Số dư cuối năm nay	698.747.650.000	225.070.638.380	-	1.791.748.983	751.395.432.936	184.850.726.964	1.861.856.197.263

⁰¹ Trong năm Công ty đã điều chỉnh giảm vốn điều lệ từ 699.747.650.000 VND xuống còn 698.747.650.000 VND tương ứng với 100.000 cổ phiếu mua lại từ các cổ đông sáng lập để làm cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020 số 02/2020/NQ-DHDCD ngày 19 tháng 10 năm 2020. Ngày 02 tháng 11 năm 2020 Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 4 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp về việc thay đổi vốn điều lệ.



(Handwritten signature)

Tạ Hoàng Sơn
 Kế toán trưởng

